TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH L	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 23 - 02 - 2021
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Minh Sơn

2.Bà Mai Lương Anh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Loan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 435/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Số 20/5, đường Chi Lăng, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Vũ Tá Th, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 20/5, đường Chi Lăng, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên hệ: Đài tưởng niệm Cam Ly, Phường 5, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày của nguyên đơn bà Đoàn Thị H thì: Bà và ông Vũ Tá Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu,

tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn năm 2002 tại Uỷ ban nhân dân xã Đông Thanh, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã Vũ Thư, tỉnh Thái Bình được khoảng 01 năm thì chuyển vào thành phố Đà Lạt sinh sống. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Vũ Tá Th ghen tuông vô cớ, có những lời nói xúc phạm danh dự của bà, mặc dù gia đình đã khuyên nhủ nhưng ông Th vẫn không thay đổi, từ đó dẫn đến vợ chồng không có sự quan tâm lẫn nhau, tạo nên không khí nặng nề trong gia đình. Thời gian sau này ông Th thường xuyên uống rượu và không làm chủ được bản thân, nhiều lần bà khuyên nhủ để tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không thành, ông Th thường đi rêu rao bà với tất cả bạn bè làm ảnh hưởng đến danh dự của bà, dù sống chung trong gia đình nhưng mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau, cho đến năm 2018 thì ông Th dọn ra ngoài sống riêng ở Đài tưởng niệm Cam Ly, Phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, thỉnh Thảng ông Th mới về nhà. Nay thời gian ly thân đã lâu, bà xác định không còn tình cảm với ông Th và không thể tiếp tục chung sống vì mục đích hôn nhân không đạt được, do đó đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Th. Về con chung: Bà H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Đoàn Tố U, sinh ngày 16-11-2002 và cháu Vũ Đoàn Hoài A, sinh ngày 13-11-2009. Đối với cháu Vũ Đoàn Tố U tính đến nay đã đủ 18 tuổi, thể chất và trí tuệ phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét đến việc trực tiếp nuôi dưỡng, riêng cháu Vũ Đoàn Hoài A, sinh ngày 13-11-2009 hiện nay đang sống cùng bà, nên bà đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu A đến khi trưởng thành, đồng thời yêu cầu ông Vũ Tá Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Bà H đề nghị được tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Vũ Tá Th đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về việc tổ chức phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng đều vắng mặt không có lý do và ông Th cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình để gửi cho Tòa án. Do ông Th vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà Đoàn Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Th. Về con chung bà H có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Đoàn Hoài A, sinh ngày 13-11-2009 đến khi con thành niên và yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận và về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên toà sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên toà theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự vắng mặt đã được Tòa án niêm yết thủ tục đúng quy định. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H, xử cho bà H được ly hôn với ông Th. Về con chung đề nghị giao con chung là Vũ Đoàn Hoài A, sinh ngày 13-11-2009 cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi con thành niên, về việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị Tòa án chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ theo yêu cầu của bà H, buộc ông Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) đến khi trưởng thành. Về tài sản chung bà H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa bà Đoàn Thị H và ông Vũ Tá Th kết hôn với nhau năm 2002, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật dân sự năm 2015; bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại 20/5, đường Chi Lăng, Phường 9, thành phố Đà Lạt và hiện đang sinh sống làm việc trên địa bàn thành phố Đà Lạt, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Vũ Tá Th đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Th kết hôn với nhau năm 2002 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông

Thanh, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Theo bà H cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Th ghen tuông vô cớ, đã có những lời lẽ xúc phạm đến danh dự của bà, nên dẫn đến vợ chồng xảy ra nhiều bất hòa với nhau, vào năm 2018 ông Th đã dọn ra ngoài sống hiện vợ chồng đã sống ly thân. Tại phiên tòa, bà H xác định không còn tình cảm với ông Th và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông Th đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn và cả hai đã sống ly thân. Quá trình Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập hợp lệ ông Th đến để tiến hành hòa giải, nhưng ông Th không có mặt chứng tỏ ông Th không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, xử cho bà H và ông Th được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3.2] Về con chung: Dựa trên lời khai của bà H và các giấy khai sinh do bà H cung cấp thì xác định giữa bà H và ông Th có 02 con chung là cháu Vũ Đoàn Tố U, sinh ngày 16-11-2002 và cháu Vũ Đoàn Hoài A, sinh ngày 13-11-2009, đối với cháu Vũ Đoàn Tố U đã đủ tuổi thành niên, nên bà H không có yêu cầu gì; đối với cháu Vũ Đoàn Hoài A hiện nay đang sống cùng bà H; ly hôn bà H có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu A đang chung sống ổn định với bà H và có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý của trẻ cần tiếp tục giao con chung là Vũ Đoàn Hoài A cho bà H có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H yêu cầu ông Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), xét thấy mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nêu trên của bà H phù hợp với mức thu nhập cơ bản quy định của người lao động và phù hợp với chi phí sinh hoạt nuôi con hiện nay, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc ông Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Vũ Đoàn Hoài A, sinh ngày 13-11-2009 mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng nuôi con tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu A thành niên đủ 18 tuổi.

[3.3] Về tài sản chung: Bà H xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà H xác định vợ chồng không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, ông Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị H.

Xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đoàn Thị H và ông Vũ Tá Th được ly hôn.

2/Về con chung:

2.1 Giao con chung là Vũ Đoàn Hoài A, sinh ngày 13-11-2009 cho bà Đoàn Thị H có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Vũ Tá Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Vũ Đoàn Hoài A, sinh ngày 13-11-2009 mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con thành niên đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3/Về án phí: Bà Đoàn Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số

AA/2016/0017749 ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, bà H đã nộp đủ án phí.

Ông Vũ Tá Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

4/Về nghĩa vụ Thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án (23/02/2021). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15*(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND xã Đ, huyện V, tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trần Thị Lan